

LĐLĐ TỈNH HOÀ BÌNH
CÔNG ĐOÀN GIÁO DỤC

Số: 195 /CĐGD
V/v đối chiếu thu, nộp 2% kinh phí
công đoàn năm 2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hòa Bình, ngày 23 tháng 11 năm 2015

Kính gửi: Công đoàn các đơn vị, trường học.

Căn cứ Quyết định số 1935/QĐ-TLĐ ngày 29/11/2013 của Tổng LĐLĐ Việt Nam về phân cấp thu, phân phối nguồn thu tài chính công đoàn;

Căn cứ Công văn số 753/LĐLĐ ngày 09 tháng 10 năm 2015 của Liên đoàn Lao động tỉnh Hoà Bình V/v thực hiện công tác tài chính công đoàn những tháng cuối năm 2015, sau khi tổng hợp số liệu theo bảng lương của các đơn vị, trường học, Công đoàn Giáo dục Hoà Bình đề nghị Công đoàn các đơn vị, trường học thực hiện một số yêu cầu sau:

- Tính tổng số 2% kinh phí công đoàn phải nộp trong năm 2015 và đối chiếu với số liệu Công đoàn Giáo dục Hoà Bình đã tổng hợp trong bảng thống kê (gửi kèm công văn 195). Nếu đơn vị nào có sai lệch xin liên hệ trực tiếp với Thường trực Công đoàn Giáo dục Hoà Bình theo số điện thoại 0218.3854502 để cùng thống nhất.

- Công đoàn Giáo dục Hoà Bình đề nghị những đơn vị chưa nộp đủ 2% kinh phí công đoàn năm 2015 phải nộp đủ tiền về tài khoản chuyên thu của Công đoàn ngành trước ngày **31/12/2015** (Số tài khoản **3751.0.9076815** tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Hoà Bình, tên đơn vị: Công đoàn Giáo dục Hoà Bình).

Công đoàn Giáo dục Hoà Bình đề nghị Công đoàn các đơn vị, trường học nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:

- CT, PCT CĐGDHB;
- Công đoàn các đơn vị, trường học;
- Website ngành;
- Lưu VP.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH

Hà Đức Hạnh

THÔNG BÁO NỢ 2% KINH PHÍ CÔNG ĐOÀN NĂM 2015

(Số liệu tính theo số thực thu đến hết 20/11/2015)

TT	Đơn vị	Tổng quỹ lương	Số phải nộp	Số đã nộp	Số chưa nộp	Số nộp thừa	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
1	DTNT B Đà Bắc	1,198,107,000	23,962,140	20,467,000	3,495,140		
2	DTNT Cao Phong	1,911,235,000	38,224,700	32,900,800	5,323,900		
3	DTNT Tân Lạc	1,681,194,600	33,623,892	32,124,600	1,499,292		
4	DTNT Lạc Thủy	1,180,000,000	23,600,000	25,932,900		2,332,900	
5	DTNT B Mai Châu	1,687,154,000	33,743,080	31,774,000	1,969,080		
6	DTNT A Đà Bắc	1,446,131,000	28,922,620	24,243,000	4,679,620		
7	DTNT Lạc Sơn	1,736,348,000	34,726,960	31,462,500	3,264,460		
8	DTNT Yên Thủy	1,314,679,000	26,293,580	17,875,076	8,418,504		
9	DTNT Kim Bôi	1,682,630,000	33,652,600	31,749,400	1,903,200		
10	DTNT A Mai Châu	1,869,025,000	37,380,500	37,964,000		583,500	
11	THPT Đại Đồng	2,306,738,000	46,134,760	46,055,783	78,977		
12	THPT Quyết Thắng	1,434,985,000	28,699,700	28,855,900		156,200	
13	THPT Lạc Thủy C	1,639,524,000	32,790,480	32,075,634	714,846		
14	THPT Lạc Thủy B	2,641,568,000	52,831,360	54,966,000		2,134,640	
15	THPT Mường Bi	2,180,409,000	43,608,180	33,122,800	10,485,380		
16	THPT Nam Lương Sơn	2,507,584,000	50,151,680	34,350,000	15,801,680		
17	THPT Tân Lạc	2,789,427,000	55,788,540	56,000,000		211,460	
18	THPT Đà Bắc	2,098,462,000	41,969,240	31,964,000	10,005,240		
19	THPT Cao Phong	3,405,049,000	68,100,980	47,118,282	20,982,698		
20	THPT Lương Sơn	2,878,831,000	57,576,620	48,113,646	9,462,974		
21	THPT Lạc Thủy	2,979,977,000	59,599,540	54,457,300	5,142,240		
22	THPT Thạch Yên	1,377,250,000	27,545,000	31,068,067		3,523,067	
23	THPT Sào Báy	2,049,975,000	40,999,500	31,352,000	9,647,500		
24	THPT Ngô quyền	1,866,908,000	37,338,160	32,014,736	5,323,424		
25	THPT Nguyễn Trãi	2,027,241,000	40,544,820	38,197,200	2,347,620		

26	THPT Mai Châu	2,884,853,000	57,697,060	48,095,300	9,601,760		
27	THPT Thanh Hà	1,906,089,000	38,121,780	33,000,000	5,121,780		
28	THPT Phú Cường	1,402,783,000	28,055,660	27,306,100	749,560		
29	THPT Lạc Long Quân	3,318,184,000	66,363,680	60,835,800	5,527,880		
30	THPT 19,5	3,010,116,000	60,202,320	55,984,400	4,217,920		
31	THPT chuyên HVT	6,070,998,000	121,419,960	124,760,200		3,340,240	
32	THPT Kỳ Sơn	3,048,232,000	60,964,640	40,800,000	20,164,640		
33	PT DINT Tỉnh	4,595,026,000	91,900,520	77,362,896	14,537,624		
34	THPT Yên Thủy A	3,005,733,000	60,114,660	45,492,800	14,621,860		
35	THPT Bắc Sơn	1,390,329,000	27,806,580	27,737,000	69,580		
36	THPT Cộng Hoà	2,151,556,000	43,031,120	42,052,000	979,120		
37	THCS và THPT Ngọc Sơn	1,194,110,000	23,882,200	12,827,472	11,054,728		
38	THPT Yên Hoà	1,298,439,000	25,968,780	18,352,500	7,616,280		
39	THPT Yên Thủy C	1,783,319,000	35,666,380	26,763,100	8,903,280		
40	THPT Mường Chiềng	1,410,874,000	28,217,480	25,268,000	2,949,480		
41	THPT Kim Bôi	3,329,443,000	66,588,860	53,554,000	13,034,860		
42	THPT Đoàn Kết	1,828,622,000	36,572,440	36,020,200	552,240		
43	THPT Mai Châu B	1,434,684,000	28,693,680	27,169,900	1,523,780		
44	THPT Lạc Sơn	2,963,757,000	59,275,140	58,090,000	1,185,140		
45	THPT Cù Chính Lan	2,848,775,000	56,975,500	30,000,000	26,975,500		
46	THPT Công Nghiệp	3,919,094,000	78,381,880	58,695,000	19,686,880		
47	THPT Lũng Vân	937,150,000	18,743,000	13,537,600	5,205,400		
48	THPT Yên Thủy B	2,490,391,000	49,807,820	36,799,500	13,008,320		
49	TTGDTX Cao Phong	870,877,000	17,417,540	16,489,567	927,973		
50	TTNN- TH	1,060,312,000	21,206,240	19,522,000	1,684,240		
51	TTGDTX Mai Châu	1,187,325,000	23,746,500	16,835,400	6,911,100		
52	TTGDTX Đà Bắc	1,066,146,000	21,322,920	16,055,451	5,267,469		
53	Trường KTKT Hoà Bình	3,372,193,000	67,443,860	56,376,846	11,067,014		
54	TTGDTX Kim Bôi	887,681,000	17,753,620	13,151,300	4,602,320		
55	TTGDTX tỉnh	2,939,071,000	58,781,420	54,629,600	4,151,820		cộng cả số TTTP đã nộp

56	TTGDTX Lạc Thủy	1,435,494,000	28,709,880	30,312,000		1,602,120	
57	TTKTTTH HN tỉnh	1,469,701,000	29,394,020	14,566,500	14,827,520		
58	TTGDTX Lương Sơn	1,224,081,000	24,481,620	21,529,655	2,951,965		
59	TTGDTX Yên Thủy	1,116,304,000	22,326,080	16,468,300	5,857,780		
60	Công ty sách	870,993,000	17,419,860	4,603,000	12,816,860		
61	Sở GD&ĐT	3,146,703,000	62,934,060	48,200,000	14,734,060		
62	Cao đẳng Sư phạm	7,589,916,000	151,798,320	127,279,000	24,519,320		
	Tổng cộng	136,349,785,600	2,726,995,712	2,322,727,011	418,152,828	13,884,127	0

Người lập



Lê Thị Thuý Hương



Thư trưởng đơn vị

Hà Đức Hạnh